

## NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN KHỞI TẠO DOANH NGHIỆP NĂM HỌC 2023

- Câu 1 : Tại sao ngày nay doanh nghiệp phải phân khúc thị trường?
- A. Họ không thể thu hút toàn bộ người mua hàng trên thị trường  
B. Họ không thể thu hút toàn bộ người mua hàng theo cùng một cách  
C. Để xác định phần thị trường doanh nghiệp có khả năng phục vụ tốt nhất  
D. A, B, C đều đúng
- Câu 2 : Trong quá trình kinh doanh, các chuyên gia tổ chức tư vấn bên ngoài có thể hỗ trợ tư vấn về lĩnh vực:
- A. Kế toán, tài chính  
B. Nghiên cứu, thiết kế và phát triển sản phẩm chiến lược cho doanh nghiệp  
C. Luật, ngân hàng  
D. A và C đúng
- Câu 3 : Phân tích thị trường là phân tích:
- A. Thị trường rộng lớn đến mức nào  
B. Giai đoạn phát triển của thị trường  
C. A, B đúng  
D. A, B sai
- Câu 4 : Trong kinh doanh, lao động sáng tạo được hiểu là:
- A. Sáng tạo ra sản phẩm mới  
B. Nhạy bén nhận ra nhu cầu mới của người tiêu dùng  
C. Phát hiện và đáp ứng nhu cầu về một loại sản phẩm-dịch vụ mới trong xã hội  
D. Nghĩ ra phương thức sản xuất mới khác với các phương pháp truyền thống
- Câu 5 : Về mặt pháp lý, công ty cổ phần là doanh nghiệp:
- A. Cổ đông chỉ có thể là các cá nhân  
B. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp  
C. Trong đó cổ đông không có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác  
D. Số lượng cổ đông tối đa là 50
- Câu 6 : Khách hàng mục tiêu là khách hàng:
- A. Tất cả đều đúng  
B. Giúp đạt mục tiêu kinh doanh  
C. Quan tâm đến hàng của công ty  
D. Sẽ mua sản phẩm/ dịch vụ
- Câu 7 : Các quy trình cơ bản trong kế hoạch sản xuất vận hành là:
- A. Quy trình chế biến sản xuất  
B. Quy trình quản lý hoạt động kinh doanh  
C. Quy trình quản lý chất lượng, quy trình quản lý hàng tồn kho  
D. A, B, C đều đúng
- Câu 8 : Doanh nghiệp là một tổ chức:
- A. Có tên riêng  
B. Có tài sản riêng  
C. A, B đúng  
D. Không câu nào đúng

- Câu 9 : Phân tích môi trường ngành theo Giáo sư Machiel Porter gồm các yếu tố:
- A. Nhà phân phối - Các đối thủ tiềm năng - Khách hàng- Sản phẩm bổ sung- đối thủ cạnh tranh hiện tại
- B. Nhà phân phối - Các đối thủ tiềm năng - Khách hàng- Sản phẩm độc lập- đối thủ cạnh tranh hiện tại
- C. Nhà cung ứng - Các đối thủ tiềm năng - Khách hàng- Sản phẩm độc lập- đối thủ cạnh tranh hiện tại
- D. Nhà cung ứng - Các đối thủ tiềm năng - Khách hàng- Sản phẩm thay thế- đối thủ cạnh tranh hiện tại
- Câu 10 : Nhân viên xem kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp mình để làm gì:
- A. Lập kế hoạch hành động hằng năm
- B. Hiểu được tầm nhìn, sứ mạng của doanh nghiệp
- C. Đồng hành cùng nhau xây dựng ngôi nhà chung phát triển bền vững
- D. A, B, C đều đúng
- Câu 11 : Các nhà mạng viễn thông hay tung ra các đợt nạp tiền tặng 50% giá trị thẻ nạp. Đây là ví dụ cho chiến lược
- A. Phát triển sản phẩm
- B. Phát triển thị trường
- C. Đa dạng hóa
- D. Thâm nhập thị trường
- Câu 12 : Yếu tố nào ảnh hưởng đến Marketing mà Công ty có thể kiểm soát được?
- A. Đối thủ cạnh tranh
- B. Chính phủ
- C. Các lực lượng xã hội
- D. Nhân viên bán hàng
- Câu 13 : Căn cứ để xây dựng mục tiêu dịch vụ là:
- A. Sứ mạng
- B. Chiến lược
- C. Các giá trị
- D. Tất cả đều đúng
- Câu 14 : Mục tiêu chủ yếu của khuyến mãi là gì?
- A. Tăng danh tiếng nhãn hiệu
- B. Thay đổi nhận thức của khách hàng
- C. Tạo thiện cảm
- D. Đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa
- Câu 15 : Doanh nghiệp nhà nước là:
- A. Do nhà nước đầu tư vốn
- B. Hoạt động kinh doanh cho nhà nước
- C. Là một pháp nhân
- D. Tất cả đều đúng
- Câu 16 : Nghiên cứu thị trường gồm các bước:
- A. Hoạch định chiến lược
- B. Xác định sứ mệnh
- C. A, B đều đúng
- D. A, B đều sai
- Câu 17 : Kinh doanh KHÔNG CẦN những điều kiện nào dưới đây:
- A. Phải có bằng cấp chuyên môn
- B. Phải có đăng ký kinh doanh
- C. Phải có vốn
- D. Phải có mặt bằng
- Câu 18 : Nhà kinh doanh cần có đặc điểm nào dưới đây:
- A. Có kiến thức toàn diện
- B. Có sáng kiến

- C. A và B đúng D. Tất cả đều sai
- Câu 19 : Doanh nghiệp lựa chọn công nghệ:
- A. Đảm bảo tính chất tiên tiến của công nghệ B. Đảm bảo chất lượng sản phẩm  
C. Đánh giá sự phù hợp về khả năng tài chính D. Đảm bảo giảm lao động chân tay nặng nhọc, cải thiện điều kiện lao động
- Câu 20 : Các yếu tố trong phân tích môi trường theo mô hình PEST gồm
- A. Chính trị - Sản phẩm thay thế - Xã hội- Đối thủ cạnh tranh B. Chính trị - Sản phẩm thay thế - Khách hàng- Công nghệ khoa học  
C. Chính trị - Kinh tế - Xã hội- Công nghệ D. Chính trị - Sản phẩm thay thế - Xã hội- Công nghệ khoa học
- Câu 21 : Trong loại hình doanh nghiệp nào, chủ sở hữu không được trực tiếp rút một phần số vốn đã góp vào công ty:
- A. Công ty TNHH 1 thành viên B. Hộ kinh doanh cá thể  
C. Doanh nghiệp tư nhân D. Tất cả đều đúng
- Câu 22 : Khi phân tích môi trường bên trong doanh nghiệp, doanh nghiệp phân tích sẽ thấy được:
- A. Cơ hội và nguy cơ đối với doanh nghiệp B. Điểm mạnh và nguy cơ của doanh nghiệp  
C. Điểm mạnh và điểm yếu của doanh nghiệp D. Tất cả điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ
- Câu 23 : Yếu tố đối thủ cạnh tranh là nằm trong phân tích môi trường:
- A. Môi trường vĩ mô B. Môi trường vi mô  
C. Môi trường ngành D. Tất cả đều đúng
- Câu 24 : Ý nghĩa của nghiên cứu thị trường:
- A. Giúp chủ doanh nghiệp hiểu rõ thị trường và đối thủ cạnh tranh B. Xác định tính khả thi của ý tưởng kinh doanh  
C. Giúp chủ doanh nghiệp hiểu rõ môi trường kinh doanh D. A, B, C đều đúng
- Câu 25 : Chi phí kinh doanh bao gồm:
- A. Chi phí thành lập doanh nghiệp B. Chi phí hoạt động thường xuyên  
C. Chi phí nghiên cứu phát triển D. A, B đúng
- Câu 26 : Mục đích của tuyển dụng nhân sự:
- A. Thêm lao động để đáp ứng nhu cầu nhân sự B. Tuyển nhân sự đáp ứng nhu cầu công việc  
C. Sàng lọc và tuyển dụng người đủ năng lực D. A, B đều sai
- Câu 27 : Các yếu tố sau đây xác định nhu cầu nguyên vật liệu trong kỳ kinh doanh, NGOẠI TRỪ:
- A. Tình hình tài chính của doanh nghiệp B. Thay đổi trụ sở doanh nghiệp  
C. Định mức tiêu dùng nguyên vật liệu D. Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

của doanh nghiệp

- Câu 28 : Các cửa hàng chuyên bán quần áo trẻ em là ví dụ về:
- A. Chiến lược: Chí phí thấp  
B. Chiến lược: Khác biệt hóa  
C. Chiến lược: Tập trung  
D. Tất cả đều đúng
- Câu 29 : Kinh doanh là hoạt động nào sau đây:
- A. Sản xuất  
B. Làm dịch vụ  
C. Vừa sản xuất vừa dịch vụ  
D. Tất cả đều đúng
- Câu 30 : Kế hoạch tiếp thị mô tả:
- A. Cách cải thiện chất lượng sản phẩm  
B. Cách đạt được doanh số bán hàng kỳ vọng  
C. Cách phát triển sản phẩm  
D. Cách cải thiện bao bì sản phẩm
- Câu 31 : Trong kế hoạch kinh doanh cần nêu rõ:
- A. Hoạt động kinh doanh  
B. Sứ mệnh, mục tiêu  
C. Chiến lược, chiến thuật của doanh nghiệp  
D. A, B, C đều đúng
- Câu 32 : Nghiên cứu thị trường là quá trình:
- A. Xác định vấn đề nghiên cứu  
B. Thu thập, lưu giữ phân tích thông tin về khách hàng , đối thủ cạnh tranh và thị trường một cách có hệ thống  
C. Thiết kế quy trình đầu tư  
D. Thu thập, lưu giữ phân tích thông tin về khách hàng , đối thủ cạnh tranh
- Câu 33 : Trong quản trị doanh nghiệp thì quan trọng nhất là:
- A. Xác định đúng lĩnh vực hoạt động tổ chức  
B. Xác định đúng quy mô của tổ chức  
C. Xác định đúng trình độ và số lượng đội ngũ nhân viên  
D. Xác định đúng chiến lược phát triển của doanh nghiệp
- Câu 34 : Trong ma trận SWOT, chiến lược S-O là:
- A. Hạn chế điểm yếu của doanh nghiệp để tận dụng cơ hội từ môi trường bên ngoài.  
B. Sử dụng điểm mạnh của doanh nghiệp để né tránh rủi ro từ môi trường bên ngoài.  
C. Hạn chế điểm yếu của doanh nghiệp để né tránh rủi ro từ môi trường bên ngoài.  
D. Sử dụng điểm mạnh của doanh nghiệp để tận dụng cơ hội từ môi trường bên ngoài.
- Câu 35 : Doanh nghiệp nào dưới đây chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ khi phá sản:
- A. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên  
B. Công ty cổ phần  
C. Doanh nghiệp tư nhân  
D. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
- Câu 36 : Tại sao chủ doanh nghiệp phải xem kế hoạch kinh doanh:
- A. Rà soát, đánh giá các phương án dựa trên tính logic của kế hoạch kinh doanh  
B. Có sự điều chỉnh chiến lược kinh doanh kịp thời khi thị trường biến đổi

- C. A, B đều đúng  
D. A, B đều sai
- Câu 37 : Hoạt động kinh doanh là:
- A. Mua bán hàng hóa  
B. Cung ứng dịch vụ  
C. Đầu tư  
D. Tất cả đều đúng
- Câu 38 : Chủ doanh nghiệp tư nhân không có quyền, trách nhiệm nào sau đây:
- A. Bán doanh nghiệp  
B. Cho thuê doanh nghiệp  
C. Chỉ trả nợ trong phạm vi vốn đầu tư  
D. Thuê người khác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh
- Câu 39 : Kinh doanh có mục đích chính là gì:
- A. Vì lợi nhuận  
B. Phục vụ xã hội  
C. Thỏa mãn ý thích kinh doanh  
D. Tất cả đều đúng
- Câu 40 : Tại sao chủ doanh nghiệp phải xem kế hoạch kinh doanh:
- A. Rà soát, đánh giá các phương án dựa trên tính logic của kế hoạch kinh doanh  
B. Có sự điều chỉnh chiến lược kinh doanh kịp thời khi thị trường biến đổi  
C. A, B đều đúng  
D. A, B đều sai
- Câu 41 : Nghệ thuật trong kinh doanh là:
- A. Sự phát hiện ra và đáp ứng đúng nhu cầu về một loại sản phẩm/dịch vụ  
B. Khả năng tiến hành, điều hành hoạt động kinh doanh sáng tạo, hiệu quả  
C. A, B đều đúng  
D. A, B đều sai
- Câu 42 : Chi phí nào sau đây không phải là chi phí hoạt động thường xuyên:
- A. Chi phí thuê văn phòng, địa điểm kinh doanh  
B. Chi phí mua bảo hiểm  
C. Chi phí cho nhà xưởng, máy móc, thiết bị  
D. Chi phí tiền lương, tiền công
- Câu 43 : Trong cơ cấu quản trị nào chủ doanh nghiệp vừa trực tiếp điều khiển hoạt động kinh doanh:
- A. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị không ổn định  
B. Cơ cấu trực tuyến  
C. Cơ cấu tổ chức quản trị phi hành tể  
D. Cơ cấu chức năng lần đầu
- Câu 44 : Phương pháp quản trị tổ chức (Method) là nằm trong phân tích môi trường:
- A. Môi trường vĩ mô  
B. Môi trường vi mô  
C. Môi trường ngành  
D. Tất cả đều đúng
- Câu 45 : Trách nhiệm hữu hạn là đặc điểm quan trọng của:
- A. Công ty tư nhân  
B. Công ty hợp danh  
C. Công ty cổ phần  
D. Tất cả đều đúng
- Câu 46 : Thay đổi vị trí thị trường mà không thay đổi tính năng sản phẩm là chiến lược:
- A. Thâm nhập thị trường  
B. Đa dạng hóa

- C. Phát triển sản phẩm  
D. Phát triển thị trường
- Câu 47 : Xác định vị trí địa lý của văn phòng trụ sở không dựa vào:  
A. Gần nguồn khách hàng tiềm năng  
B. Gần nguồn nguyên liệu  
C. Chi phí thuê  
D. Khả năng mở rộng thị trường
- Câu 48 : Kế hoạch sản phẩm /dịch vụ là:  
A. Loại sản phẩm/ dịch vụ tạo ra  
B. Loại sản phẩm/ dịch vụ trao đổi mua bán  
C. Cả A và B  
D. Tất cả đều sai
- Câu 49 : Nghiên cứu thị trường bao gồm:  
A. Nghiên cứu khách hàng mục tiêu  
B. Nghiên cứu đối thủ cạnh tranh  
C. Đánh giá thị phần, doanh số  
D. Tất cả đều đúng
- Câu 50 : Trong ma trận SWOT, chiến lược W-O là:  
A. Sử dụng điểm mạnh của doanh nghiệp để né tránh rủi ro từ môi trường bên ngoài.  
B. Hạn chế điểm yếu của doanh nghiệp để né tránh rủi ro từ môi trường bên ngoài.  
C. Sử dụng điểm mạnh của doanh nghiệp để tận dụng cơ hội từ môi trường bên ngoài.  
D. Hạn chế điểm yếu của doanh nghiệp để tận dụng cơ hội từ môi trường bên ngoài
- Câu 51 : Kế hoạch kinh doanh bao gồm:  
A. Kế hoạch sản xuất  
B. Kế hoạch tiếp thị và bán hàng  
C. Kế hoạch vay vốn  
D. Tất cả đều đúng
- Câu 52 : Marketing hỗn hợp dịch vụ bao gồm:  
A. 4 yếu tố (4P)  
B. 6 yếu tố (6P)  
C. 9 yếu tố (9P)  
D. 7 yếu tố (7P)
- Câu 53 : Theo quy trình Quản trị Marketing:  
A. Định vị thị trường - Phân khúc thị trường – Lựa chọn thị trường mục tiêu  
B. Định vị thị trường– Lựa chọn thị trường mục tiêu- Phân khúc thị trường  
C. Phân khúc thị trường – Định vị thị trường – Lựa chọn thị trường mục tiêu  
D. Phân khúc thị trường – Lựa chọn thị trường mục tiêu– Định vị thị trường
- Câu 54 : Cổ phần được chia thành:  
A. Cổ phần có ghi danh và cổ phần không ghi danh  
B. 3 loại: cổ phần phổ thông , cổ phần ưu đãi và cổ phần chuyển đổi  
C. 4 loại: cổ phần phổ thông , cổ phần ưu đãi và cổ phần chuyển đổi và cổ phần khác  
D. 2 loại: cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi
- Câu 55 : Về mặt pháp lý, công ty TNHH 1 thành viên là doanh nghiệp:  
A. Được phát hành trái phiếu  
B. Là một doanh nghiệp do một tổ chức hay một cá nhân làm chủ sở hữu  
C. Được rút một phần hay toàn bộ số vốn đã góp vào công ty  
D. Được phát hành cổ phiếu

- Câu 56 : Kế hoạch kinh doanh là:
- A. Một tài liệu cần để hoàn thành thủ tục vay vốn hoặc nhận tài trợ
- B. Để thu hút cổ đông và nhà đầu tư tương lai
- C. Một quá trình hoạch định nhằm biến ý tưởng kinh doanh thành một hoạt động kinh doanh thành công về mặt tài chính
- D. A, B, C đều đúng
- Câu 57 : Ý tưởng kinh doanh hay là ý tưởng:
- A. Phù hợp với quy định của pháp luật
- B. Dựa vào thị trường
- C. Triệt để tận dụng ưu thế của chủ doanh nghiệp
- D. A, B, C đều đúng
- Câu 58 : Phân tích tổng quan ngành giúp doanh nghiệp trả lời các câu hỏi:
- A. Chúng ta bán sản phẩm gì
- B. Chúng ta tìm kiếm khách hàng ở đâu và như thế nào
- C. Có cơ hội nào cho chúng ta khi tham gia thị trường này
- D. Đối thủ cạnh tranh của chúng ta là ai
- Câu 59 : Các nguồn lực vô hình của tổ chức gồm:
- A. Nhà xưởng máy móc thiết bị
- B. Nguyên vật liệu dự trữ
- C. Vốn sản xuất
- D. Trong triết lý kinh doanh
- Câu 60 : Hoạt động kinh doanh chịu sự tác động của .....biến đổi không ngừng.
- A. Công nghệ
- B. Kinh tế
- C. Kỹ thuật
- D. Môi trường
- Câu 61 : Doanh nghiệp tư nhân là:
- A. Doanh nghiệp của một cá nhân
- B. Doanh nghiệp do 2 bên hùn vốn
- C. Cả A và B đều sai
- D. Tất cả đều đúng
- Câu 62 : Doanh nghiệp là:
- A. Tổ chức, cá nhân có đăng lý kinh doanh
- B. Hộ gia đình kinh doanh
- C. Cơ quan nhà nước
- D. Tất cả đều sai
- Câu 63 : Kế hoạch tài chính có nội dung nào?
- A. Tổng số tiền đầu tư
- B. Lợi nhuận
- C. Thời gian hoàn vốn
- D. Tất cả đều đúng
- Câu 64 : Quy trình tuyển dụng bao gồm:
- A. Sàng lọc, phỏng vấn, thẩm tra thông tin, tuyển dụng
- B. Phỏng vấn, thẩm tra thông tin, quan sát, tuyển dụng
- C. Sàng lọc, phỏng vấn, thẩm tra thông tin, quan sát công việc, quyết định tuyển dụng
- D. Không câu nào đúng
- Câu 65 : Loại hình kinh doanh được sở hữu bởi một cá nhân duy nhất được gọi là:

- A. Công ty nhỏ  
B. Người nhận thầu độc lập  
C. Công ty hợp danh  
D. Công ty tư nhân
- Câu 66 : Doanh nghiệp liên doanh có:  
A. Vốn góp của nhà nước  
B. Vốn góp của người nước ngoài  
C. Cả A và B đều đúng  
D. Tất cả đều sai
- Câu 67 : Phân tích thông tin thị trường giúp:  
A. Doanh nghiệp lập kế hoạch bán hàng  
B. Doanh nghiệp lập kế hoạch quản lý  
C. Cung cấp cho người đọc tổng quan về môi trường kinh doanh của công ty nhằm đánh giá tính khả thi của Kế Hoạch Kinh Doanh  
D. Doanh nghiệp lập kế hoạch hoạt động
- Câu 68 : Đưa những sản phẩm đã thay đổi, cải tiến về tính năng hay những sản phẩm mới vào thị trường hiện tại:  
A. Đa dạng hóa  
B. Thâm nhập thị trường  
C. Phát triển thị trường  
D. Phát triển sản phẩm
- Câu 69 : Trong kinh doanh, lao động quản lý được hiểu là:  
A. Yêu cầu người khác làm những điều mình cho là đúng  
B. Kiểm soát việc làm người khác  
C. Thông qua người khác để đạt được mục tiêu quản lý của mình  
D. Trả tiền để người khác làm việc cho mình
- Câu 70 : Công TNHH có 10 thành viên phải có:  
A. Đại hội cổ đông  
B. Hội đồng thành viên  
C. Hội đồng quản trị  
D. Ban kiểm soát
- Câu 71 : Trong ý tưởng kinh doanh, chủ doanh nghiệp phải nêu rõ:  
A. Lời tuyên bố về nhiệm vụ  
B. Sứ mạng, mục tiêu  
C. Tầm nhìn  
D. A, B, C đều đúng
- Câu 72 : Các trung gian tài chính có thể là:  
A. Ngân hàng và liên ngân hàng  
B. Các quỹ tiết kiệm  
C. Các công ty bảo hiểm  
D. Tất cả các câu trên đều đúng
- Câu 73 : Nghiên cứu và phân tích thị trường giúp chủ doanh nghiệp:  
A. Đánh giá xu hướng nhà đầu tư tương lai  
B. Đánh giá tính khả thi của quy trình sản xuất  
C. Đánh giá thi phần tiềm năng và doanh số kỳ vọng  
D. Đánh giá chiến lược marketing của doanh nghiệp
- Câu 74 : Kế hoạch tài chính bao gồm:  
A. Các giả định tài chính cần thiết cho kế hoạch kinh doanh  
B. Báo cáo tài chính trong khoảng từ 3-5 năm



- C. Phân tích hòa vốn, phân tích chỉ số tài chính  
D. A, B, C đều đúng
- Câu 75 : Người nào không được là thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:  
A. Mua lại vốn của thành viên công ty sau khi các thành viên khác không mua  
B. Con đẻ được bố/mẹ tặng một phần vốn góp  
C. Người lao động cho công ty vay vốn  
D. Người góp vốn vào công ty
- Câu 76 : Ai xem kế hoạch kinh doanh:  
A. Đối thủ cạnh tranh  
B. Nhân viên công ty  
C. Nhà cung cấp  
D. B, C đều đúng
- Câu 77 : Yếu tố được mệnh danh là “Sự phá hủy có tính sáng tạo” là:  
A. Văn hóa xã hội  
B. Kinh tế  
C. Công nghệ khoa học  
D. Chính trị - Pháp luật
- Câu 78 : Hoạch định tầm nhìn giúp:  
A. Hướng dẫn các nỗ lực của nhân viên, phục vụ mục tiêu chung  
B. Tạo ra sự đồng thuận về những chỉ hướng chung của tổ chức  
C. A, B đều đúng  
D. A, B đều sai
- Câu 79 : Các kỹ năng cần thiết của nhà quản trị:  
A. Kỹ năng lãnh đạo  
B. Kỹ năng thuyết trình  
C. Kỹ năng thương lượng, đàm phán  
D. A, B, C đều đúng
- Câu 80 : Các yếu tố sau ảnh hưởng đến xu hướng thị trường, NGOẠI TRỪ:  
A. Trào lưu văn hóa  
B. Chất lượng nguyên vật liệu đầu vào  
C. Tình hình kinh tế xã hội  
D. Hành vi xã hội, thói quen sinh hoạt
- Câu 81 : Hồ sơ đăng ký kinh doanh công ty hợp danh bao gồm:  
A. Bản sao chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề theo quy định)  
B. Dự thảo điều lệ công ty  
C. A, B đều đúng  
D. A, B đều sai
- Câu 82 : Mô hình 4P trong lý thuyết Marketing gồm:  
A. Hàng hóa – Giá cả - Kênh phân phối – khách hàng  
B. Hàng hóa – Giá cả - Kênh phân phối – đối thủ cạnh tranh  
C. Hàng hóa – Khuyến mãi - Kênh phân phối – khách hàng  
D. Hàng hóa – Giá cả - Kênh phân phối – Khuyến mãi
- Câu 83 : Khởi nghiệp kinh doanh nên chọn loại nào:  
A. Doanh nghiệp nhà nước  
B. Doanh nghiệp tư nhân  
C. Hợp tác xã  
D. Tất cả các loại
- Câu 84 : Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel cho ra thế hệ Sim 4G thay cho 3G. Đây là ví dụ cho chiến lược:

- A. Thâm nhập thị trường  
 B. Đa dạng hóa  
 C. Phát triển thị trường  
 D. Phát triển sản phẩm
- Câu 85 : Sản phẩm có thể là:  
 A. Một vật thể  
 B. Một ý tưởng  
 C. Một dịch vụ  
 D. Tất cả những điều trên
- Câu 86 : Tiêu chí lựa chọn nhà cung ứng nguyên vật liệu:  
 A. Giá cả, chất lượng, thời gian giao hàng, phương thức vận chuyển  
 B. Khoảng cách địa lý  
 C. Uy tín nhà cung cấp, các dịch vụ kèm theo  
 D. A, B, C đều đúng
- Câu 87 : Ý nghĩa của nghiên cứu thị trường:  
 A. Giúp chủ doanh nghiệp hiểu rõ thị trường và đối thủ cạnh tranh  
 B. Xác định tính khả thi của ý tưởng kinh doanh  
 C. Giúp chủ doanh nghiệp hiểu rõ môi trường kinh doanh  
 D. A, B, C đều đúng
- Câu 88 : Kế hoạch sản xuất có:  
 A. Kế hoạch tiếp thị  
 B. Kế hoạch bán hàng  
 C. Kế hoạch vay vốn  
 D. Tất cả đều sai
- Câu 89 : Doanh nghiệp xác định nhu cầu tuyển dụng dựa vào:  
 A. Kết quả phân tích công việc  
 B. Bảng tiêu chuẩn công việc  
 C. A, B đều đúng  
 D. A, B đều sai
- Câu 90 : Làm thế nào để trở nên tốt hơn so với đối thủ cạnh tranh:  
 A. Thông tin nhanh hơn  
 B. Bán rẻ hơn  
 C. Bán sản phẩm chất lượng cao hơn  
 D. Làm đúng điều khách hàng cần
- Câu 91 : Thị trường mục tiêu là thị trường:  
 A. Trực tiếp tiêu thụ sản phẩm/ dịch vụ  
 B. Là thị trường trong tương lai  
 C. Là thị trường nước ngoài  
 D. Tất cả đều đúng
- Câu 92 : Loại doanh nghiệp nào không được phát hành cổ phiếu:  
 A. Doanh nghiệp nhà nước  
 B. Công ty TNHH  
 C. Hợp tác xã  
 D. Tất cả đều không có quyền
- Câu 93 : Kỹ năng cần thiết của người kinh doanh:  
 A. Kỹ năng thương lượng, đàm phán  
 B. Kỹ năng lãnh đạo  
 C. Kỹ năng tư duy sáng tạo  
 D. A, B, C đều đúng
- Câu 94 : Khởi nghiệp kinh doanh có ý nghĩa gì?  
 A. Rèn ý chí  
 B. Tạo việc làm cho xã hội  
 C. Tìm cơ hội và uy tín  
 D. Tất cả đều đúng

- Câu 95 : Chi phí nghiên cứu phát triển là:
- A. Chi phí hoạt động thường xuyên  
 B. Chi phí chuẩn bị bản kế hoạch kinh doanh  
 C. Chi phí thành lập doanh nghiệp  
 D. Chi phí dịch vụ
- Câu 96 : Trong ma trận SWOT, chiến lược W-T là:
- A. Sử dụng điểm mạnh của doanh nghiệp để né tránh rủi ro từ môi trường bên ngoài.  
 B. Sử dụng điểm mạnh của doanh nghiệp để tận dụng cơ hội từ môi trường bên ngoài.  
 C. Hạn chế điểm yếu của doanh nghiệp để tận dụng cơ hội từ môi trường bên ngoài.  
 D. Hạn chế điểm yếu của doanh nghiệp để né tránh rủi ro từ môi trường bên ngoài.
- Câu 97 : Môn học Khởi tạo doanh nghiệp có ý nghĩa gì với bạn:
- A. Để hiểu biết về kinh doanh  
 B. Để khởi nghiệp kinh doanh  
 C. Cả A và B đều đúng  
 D. Không có ý nghĩa gì
- Câu 98 : Người nông dân trồng các loại trái cây với các hình dạng khác nhau là ví dụ về:
- A. Chiến lược: Chí phí thấp  
 B. Chiến lược: Khác biệt hóa  
 C. Chiến lược: Tập trung  
 D. Tất cả đều đúng
- Câu 99 : Tốc độ tăng dân số; quan điểm sống; giới tính; tuổi thọ trung bình ... v.v... là các yếu tố thuộc:
- A. Môi trường vĩ mô  
 B. Môi trường vi mô  
 C. Môi trường ngành  
 D. Cả 3 đáp án trên
- Câu 100 : Chủ doanh nghiệp tư nhân không có quyền gì dưới đây:
- A. Thuê giám đốc  
 B. Cho thuê doanh nghiệp  
 C. Thành lập hai doanh nghiệp tư nhân  
 D. Bán doanh nghiệp
- Câu 101 : Doanh nghiệp trang bị cơ sở vật chất dựa vào:
- A. Khả năng tài chính của doanh nghiệp  
 B. Quy mô doanh nghiệp  
 C. Xu hướng thị trường  
 D. Tất cả đều đúng
- Câu 102 : Theo Giáo sư Machiel Porter chiến lược cạnh tranh gồm:
- A. Chiến lược: Chí phí thấp  
 B. Chiến lược: Khác biệt hóa  
 C. Chiến lược: Tập trung  
 D. Tất cả đều đúng
- Câu 103 : Công ty là doanh nghiệp do:
- A. Hai hay nhiều bên hùn vốn  
 B. Do một chủ sở hữu đầu tư  
 C. Cả A và B đều đúng  
 D. Tất cả đều sai
- Câu 104 : Kế hoạch sản xuất vận hành bao gồm các nội dung sau, NGOẠI TRỪ:
- A. Cơ sở vật chất, trang thiết bị  
 B. Chiến lược giá  
 C. Thời gian làm việc, vị trí địa lý  
 D. Quy trình sản xuất, quy trình quản lý
- Câu 105 : Xu hướng thị trường:
- A. Chỉ cần cập nhật nghiên cứu khi doanh  
 B. Không liên quan đến hoạt động của doanh

ngành muốn thiết kế, phát triển sản phẩm mới

ngành

C. Thay đổi theo từng thời kỳ

D. Chỉ bắt buộc đối với các doanh nghiệp kinh doanh các sản phẩm công nghệ cao, vòng đời sản phẩm ngắn.

Câu 106 : Các tố chất sau cần thiết của người kinh doanh, NGOẠI TRỪ:

A. Ý chí, nghị lực, và khát vọng làm giàu

B. Hiếu thắng

C. Sáng tạo và hiệu quả

D. Linh hoạt

Câu 107 : Ngày nay, chu kỳ sống của sản phẩm/dịch vụ ngày càng ngắn lại là bởi vì:

A. Sự phát triển của công nghệ

B. Sự cạnh tranh của các doanh nghiệp

C. Nhu cầu của người tiêu dùng

D. Tất cả các đáp án trên

Câu 108 : Yếu tố thuộc phân tích môi trường vĩ mô của doanh nghiệp là:

A. Đối thủ cạnh tranh hiện tại

B. Đối thủ cạnh tranh tiềm năng

C. Chính trị - Pháp luật

D. Cả 3 yếu tố trên

Câu 109 : Các yêu cầu và điều kiện để khởi nghiệp kinh doanh, bao gồm:

A. Ý tưởng

B. Huy động vốn

C. Lập kế hoạch kinh doanh

D. B, C đều đúng

Câu 110 : Loại doanh nghiệp nào không có tư cách pháp nhân:

A. Doanh nghiệp nhà nước

B. Công ty

C. Doanh nghiệp tư nhân

D. Hợp tác xã

Câu 111 : Yếu tố nào không nằm trong phân tích ngành của Giáo sư Machiel Porter:

A. Các đối thủ tiềm năng

B. Sản phẩm thay thế

C. Khách hàng

D. Nhà phân phối

Câu 112 : Trong ma trận SWOT, chiến lược S-T là:

A. Hạn chế điểm yếu của doanh nghiệp để né tránh rủi ro từ môi trường bên ngoài

B. Sử dụng điểm mạnh của doanh nghiệp để tận dụng cơ hội từ môi trường bên ngoài.

C. Hạn chế điểm yếu của doanh nghiệp để tận dụng cơ hội từ môi trường bên ngoài

D. Sử dụng điểm mạnh của doanh nghiệp để né tránh rủi ro từ môi trường bên ngoài.

Câu 113 : Nhà quản trị cấp cao bắt buộc phải có:

A. Kỹ năng lãnh đạo

B. Kỹ năng quản lý

C. Kỹ năng chuyên môn

D. A và B đều đúng

Câu 114 : Chân dung khách hàng mục tiêu được phác họa theo:

A. Độ tuổi, vị trí địa lý, giới tính

B. Thói quen, hành vi tiêu dùng, tâm lý mua sắm

C. Thu nhập, tầng lớp

D. A, B, C đều đúng

Câu 115 : Kế hoạch marketing phải xác định:

- A. Khách hàng mục tiêu  
B. Khách hàng tiềm năng  
C. Nơi tiêu bán hàng hóa/ dịch vụ  
D. Cả A và B đều đúng
- Câu 116 : Các mô hình tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp cơ bản:  
A. Mô hình tổ chức bộ máy quản trị theo sản phẩm  
B. Mô hình tổ chức theo chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp  
C. Mô hình tổ chức theo địa bàn kinh doanh  
D. A, C đúng
- Câu 117 : Số lượng thành viên tối đa trong công ty trách nhiệm hữu hạn từ 2 thành viên trở lên là:  
A. 55 thành viên  
B. 45 thành viên  
C. 40 thành viên  
D. 50 thành viên
- Câu 118 : Phân tích sản phẩm chiến lược của doanh nghiệp là phân tích:  
A. Mô tả  
B. Lợi ích, ứng dụng  
C. A và B đúng  
D. A và B sai
- Câu 119 : Thu nhập; mức lương cơ bản; tốc độ tăng trưởng kinh tế; lạm phát..vv... là các yếu tố thuộc:  
A. Môi trường vĩ mô  
B. Môi trường vi mô  
C. Môi trường ngành  
D. Cả 3 đáp án trên
- Câu 120 : Loại doanh nghiệp nào có số thành viên không quá 50:  
A. Công ty trách nhiệm hữu hạn  
B. Tư nhân  
C. Nhà nước  
D. Hợp tác xã
- Câu 121 : Sứ mạng là:  
A. Lý do tồn tại của sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp  
B. Cam kết của doanh nghiệp với nhà đầu tư tương lai  
C. Phác họa doanh nghiệp sẽ như thế nào trong 3/5 năm tới  
D. Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với nhân viên
- Câu 122 : Lựa chọn công nghệ dựa vào yêu cầu:  
A. Đảm bảo chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn lao động  
B. Tạo ra tiềm năng nâng cao hiệu quả lâu dài  
C. Phù hợp với năng lực tài chính của doanh nghiệp  
D. A, B, C đều đúng
- Câu 123 : Mục tiêu quan trọng của doanh nghiệp là:  
A. Tăng doanh số bán hàng  
B. Mở rộng thị trường  
C. Tăng lợi nhuận  
D. Tăng chi nhánh công ty
- Câu 124 : Hồ sơ đăng ký kinh doanh công ty TNHH 2 TV bao gồm:  
A. Văn bản ủy quyền  
B. Danh sách người đại diện theo ủy quyền  
C. Bản sao chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề theo quy định)  
D. Bản sao hợp lệ 1 trong các loại giấy chứng thực cá nhân

Câu 125 : Trà, cà phê, nước khoáng, nước chanh...v.v... là các sản phẩm:

- A. Bổ sung cho nhau
- B. Độc lập với nhau
- C. Thay thế cho nhau
- D. Cả A và C đều đúng

Câu 126 : Đưa Sản phẩm mới vào thị trường mới:

- A. Phát triển thị trường
- B. Phát triển sản phẩm
- C. Thâm nhập thị trường
- D. Đa dạng hóa

Câu 127 : Công ty hợp danh:

- A. Ít nhất 2 thành viên
- B. Thành viên góp vốn chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.
- C. Ngoài các thành viên hợp danh có thể có thành viên góp vốn
- D. A, B , C đều đúng

Câu 128 : Hồ sơ đăng ký kinh doanh công ty TNHH 1 TV bao gồm:

- A. Văn bản xác nhận vốn pháp định (đối với ngành nghề theo quy định)
- B. Bản sao chứng chỉ hành nghề
- C. Danh sách thành viên sáng lập
- D. A, B đúng

Câu 129 : Các hãng sản xuất siêu xe trên thế giới là ví dụ cho:

- A. Chiến lược: Chí phí thấp
- B. Chiến lược: Khác biệt hóa
- C. Chiến lược: Tập trung
- D. Tất cả đều đúng

Câu 130 : Chi phí hoạt động thường xuyên, bao gồm:

- A. Chi phí mua nguyên vật liệu, hàng hóa
- B. Chi phí tiền lương, tiền công
- C. Chi phí thiết kế webiste
- D. A, B đúng

Câu 131 : Môi trường pháp lý không gồm có luật nào dưới đây:

- A. Luật giáo dục
- B. Luật doanh nghiệp
- C. Luật về thuế
- D. Luật đầu tư

Câu 132 : Tiêu chí lựa chọn nguồn nhân sự quản lý chủ chốt:

- A. Trình độ chuyên môn, kỹ năng liên quan
- B. Kinh nghiệm, thành tích
- C. Thông tin, các mối quan hệ
- D. A, B, C đều đúng

Câu 133 : Trước khi khởi nghiệp, ý tưởng cần phải được:

- A. Điều chỉnh và phát triển để trở thành ý tưởng mang tính thương mại
- B. Chia sẻ với mọi người để tìm sự đồng thuận
- C. Công bố rộng rãi để tìm nhà tài trợ
- D. Phân tích và nghiên cứu bởi các chuyên gia kinh tế

Câu 134 : Phác họa chân dung khách hàng mục tiêu để:

- A. Lập kế hoạch sản xuất cho doanh nghiệp
- B. Tìm ra phương thức tiếp cận

- C. Đánh giá tính khả thi của kế hoạch kinh doanh      D. Phân khúc thị trường
- Câu 135 : Chọn loại hình doanh nghiệp dựa vào:
- A. Rủi ro      B. Uy tín  
C. Số lượng thành viên      D. A, B, C đều sai
- Câu 136 : Loại doanh nghiệp nào phải chịu trách nhiệm vô hạn:
- A. Doanh nghiệp nhà nước      B. Công ty cổ phần  
C. Doanh nghiệp tư nhân      D. Tất cả đều đúng
- Câu 137 : Tại sao phải phân khúc thị trường?
- A. Doanh nghiệp không thể thu hút toàn bộ người mua hàng trên thị trường hàng.      B. Doanh nghiệp không thể thu hút được toàn bộ người mua theo cùng một cách  
C. A, B đều đúng      D. A, B đều sai
- Câu 138 : Công ty trách nhiệm hữu hạn có vốn góp của:
- A. Nhiều người      B. Một chủ sở hữu  
C. Nhà nước      D. Tất cả đều đúng
- Câu 139 : Nghiên cứu thị trường là:
- A. Đánh giá cơ hội kinh doanh      B. Đánh giá khách hàng mục tiêu  
C. Phân loại thị trường      D. Tất cả đều đúng
- Câu 140 : Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel mở rộng kinh doanh mạng lưới thông tin viễn thông ra các nước trong khu vực Đông Nam Á. Đây là ví dụ cho chiến lược
- A. Đa dạng hóa      B. Thâm nhập thị trường  
C. Phát triển sản phẩm      D. Phát triển thị trường
- Câu 141 : Vai trò của nghiên cứu thị trường:
- A. Giúp doanh nghiệp hiểu rõ thị trường và đối thủ cạnh tranh      B. Dự báo sự thay đổi của thị trường  
C. A, B đều đúng      D. A, B đều sai
- Câu 142 : Dựa vào các phân tích trong bản kế hoạch kinh doanh, chủ doanh nghiệp và các nhà đầu tư có thể:
- A. Quyết định có nên tiến hành hoạt động kinh doanh      B. Điều chỉnh mô hình, mục tiêu kinh doanh  
C. A, B đều đúng      D. A, B đều sai
- Câu 143 : Yêu cầu lựa chọn công nghệ:
- A. Đảm bảo chất lượng sản phẩm      B. Đảm bảo hiệu quả  
C. Đảm bảo an toàn lao động      D. A, B, C đều đúng
- Câu 144 : Doanh nghiệp nào thuộc loại quy mô nhỏ:

- A. Doanh nghiệp nhà nước  
B. Công ty cổ phần  
C. Doanh nghiệp tư nhân  
D. Tất cả đều đúng
- Câu 145 : Yêu tố cạnh tranh ngoài giá:  
A. Chất lượng dịch vụ  
B. Lòng tin, hiệu quả  
C. Thiết kế bao bì sản phẩm  
D. A, B, C đều đúng
- Câu 146 : Dự đoán kích thước thị trường giúp trả lời:  
A. Có nên phát triển ý tưởng kinh doanh  
B. Có bao nhiêu khách hàng mục tiêu trong phân khúc thị trường  
C. Quyết định quy mô doanh nghiệp  
D. Quyết định số lượng nhân viên cần tuyển vào doanh nghiệp
- Câu 147 : Theo phân tích ma trận SWOT, khi doanh nghiệp có điểm mạnh và thị trường đe dọa, thách thức thì doanh nghiệp sẽ sử dụng các chiến lược  
A. Tấn công thị trường  
B. Khai thác cơ hội thị trường  
C. Rút lui khỏi thị trường  
D. Phòng thủ
- Câu 148 : Trong doanh nghiệp tư nhân có thuê giám đốc để điều hành hoạt động của doanh nghiệp thì người đại diện theo pháp luật cũ là:  
A. Theo điều lệ của Doanh nghiệp  
B. Chủ tịch hội đồng quản trị  
C. Giám đốc được thuê  
D. Chủ doanh nghiệp
- Câu 149 : Kế hoạch kinh doanh giúp:  
A. Chủ doanh nghiệp, các bên cho vay, và các nhà đầu tư giám sát hoạt động kinh doanh  
B. Huy động vốn  
C. Cải thiện xác suất thành công  
D. A, B, C đều đúng
- Câu 150 : Chiến lược kinh doanh được hình thành từ:  
A. Phân tích SWOT  
B. Phân tích chiến lược  
C. Lựa chọn chiến lược  
D. A, B, C đều đúng
- Câu 151 : Về mặt pháp lý, công ty TNHH 2 thành viên là doanh nghiệp:  
A. Phải có Hội đồng thành viên  
B. Phải có 2 thành viên trở lên  
C. A, B đều đúng  
D. A, B đều sai
- Câu 152 : Quyền của chủ doanh nghiệp:  
A. Tự do kinh doanh những mặt hàng mình có khả năng sản xuất  
B. Tự do các nghĩa vụ về kê khai thuế đối với nhà nước  
C. Tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng  
D. Tự do sử dụng lao động và đãi ngộ lao động theo chính sách của công ty
- Câu 153 : Marketing hỗn hợp dịch vụ bao gồm:  
A. Product, Price, Place, Promotion  
B. Product, Price, Place, Promotion, Package, People, Process



- C. Product, Price, Place, Promotion, People, Process, Customer service      D. Product, Price, Place, Promotion, People, Process, Physical evidence
- Câu 154 : Khách hàng tiềm năng là:
- A. Đang mua hàng/ dịch vụ      B. Sẽ có nhu cầu trong tương lai
- C. Đang là khách hàng của công ty      D. Tất cả đều sai
- Câu 155 : Xác định thời gian làm việc của doanh nghiệp, không phụ thuộc vào:
- A. Đặc trưng ngành nghề kinh doanh      B. Sở thích của nhân viên
- C. Thói quen, hành vi tiêu dùng của khách hàng mục tiêu      D. Khả năng phục vụ của doanh nghiệp
- Câu 156 : Trong công ty cổ phần, vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau và được gọi là:
- A. Cổ đông      B. Cổ phiếu
- C. Cổ tức      D. Cổ phần
- Câu 157 : Tăng doanh thu đối với khách hàng hiện có mà không thay đổi tính năng sản phẩm là chiến lược:
- A. Phát triển thị trường      B. Phát triển sản phẩm
- C. Đa dạng hóa      D. Thâm nhập thị trường
- Câu 158 : Bản kế hoạch kinh doanh gồm có:
- A. Mục lục      B. Tóm tắt dự án
- C. Các loại kế hoạch      D. Tất cả đều đúng
- Câu 159 : Hồ sơ đăng ký kinh doanh doanh nghiệp tư nhân bao gồm:
- A. Văn bản ủy quyền      B. Dự thảo điều lệ doanh nghiệp
- C. Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh theo mẫu      D. Danh sách người đại diện ủy quyền
- Câu 160 : Loại doanh nghiệp nào vốn được chia thành nhiều phần bằng nhau:
- A. Công ty cổ phần      B. Doanh nghiệp nhà nước
- C. Doanh nghiệp tư nhân      D. Hợp tác xã
- Câu 161 : Các vấn đề pháp lý có liên quan đến hoạt động kinh doanh là:
- A. Môi trường      B. Lao động
- C. Giấy phép      D. A, B, C đều đúng
- Câu 162 : Vốn điều lệ của công ty là loại nào:
- A. Vốn góp của thành viên      B. Vốn vay ngân hàng
- C. Vốn đưa vào kinh doanh      D. Tất cả đều đúng
- Câu 163 : Nghiên cứu thị trường bao gồm:
- A. Nghiên cứu khách hàng mục tiêu, quy mô thị trường      B. Nghiên cứu xu hướng thị trường, phân tích cạnh tranh
- C. Đánh giá thị trường      D. A, B, C đều đúng

Câu 164 : Đâu không phải nguồn lực vô hình của doanh nghiệp?

- A. Ý tưởng sáng tạo của nhân viên.
- B. Sự tín nhiệm và trung thành của khách hàng.
- C. Uy tín của người chào hàng.
- D. Vốn sản xuất

Câu 165 : Trong cơ cấu quản trị nào, người thừa hành chỉ thi hành mệnh lệnh của cấp trên trực tiếp:

- A. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị không ổn định
- B. Cơ cấu trực tuyến
- C. Cơ cấu chức năng lần đầu
- D. Cơ cấu tổ chức quản trị phi hành thể

Câu 166 : Nhà kinh doanh cần có tố chất nào?

- A. Chính trực
- B. Có kỷ luật
- C. Đam mê kinh doanh
- D. Tất cả đều đúng

Câu 167 : Thị trường mục tiêu của công ty bao gồm:

- A. Mọi khách hàng có nhu cầu
- B. Khách hàng trung thành
- C. Khách hàng có sức mua
- D. Những khách hàng mà doanh nghiệp tập trung các hoạt động Marketing

Câu 168 : Khởi nghiệp kinh doanh cần có hoạt động nào:

- A. Nghiên cứu thị trường
- B. Học nghề chuyên môn
- C. Sản xuất thử nghiệm
- D. Tất cả đều đúng

Câu 169 : Trong kinh doanh, nhờ có tư duy sáng tạo và hiệu quả mà doanh nhân có thể:

- A. Nhận ra cơ hội trong môi trường kinh doanh coa nhiều biến động
- B. Tìm ra các phương án, giải pháp đối phó với các thách thức từ môi trường kinh doanh
- C. Khả năng khác biệt hóa sản phẩm, dịch vụ, chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp
- D. Tất cả đều đúng

Câu 170 : Nguyên tắc xây dựng cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp:

- A. Có mục tiêu chiến lược thống nhất
- B. Có sự mềm dẻo về tổ chức
- C. Bảo đảm tăng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh
- D. A, B, C đều đúng

Câu 171 : Quy trình kiểm soát gồm các bước sau:

- A. Đo lường thành quả - Thiết lập tiêu chuẩn kiểm soát - Điều chỉnh các sai lệch
- B. Thiết lập tiêu chuẩn kiểm soát - Điều chỉnh các sai lệch- Đo lường thành quả
- C. Điều chỉnh các sai lệch - Thiết lập tiêu chuẩn kiểm soát - Đo lường thành quả
- D. Thiết lập tiêu chuẩn kiểm soát - Đo lường thành quả - Điều chỉnh các sai lệch

Câu 172 : Hồ sơ đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể bao gồm:

- A. Bản sao chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề theo quy định)
- B. Văn bản ủy quyền

C. Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh theo mẫu      D. Văn bản xác nhận vốn pháp định (đối với ngành nghề theo quy định)

Câu 173 : Chủ doanh nghiệp lập kế hoạch kinh doanh là để:

- A. Cải thiện xác suất thành công      B. Đầu tư thành công  
C. Thu nhỏ mô hình kinh doanh      D. Điều chỉnh mục tiêu kinh doanh

Câu 174 : Hoạch định tầm nhìn là:

- A. Vạch ra khát vọng mạnh mẽ của nhà quản trị đối với doanh nghiệp đang xây dựng      B. Phác thảo một đường đi chiến lược cho tương lai  
C. A, B sai      D. A, B đúng

Câu 175 : Hồ sơ đăng ký kinh doanh công ty cổ phần bao gồm:

- A. Dự thảo điều lệ công ty      B. Danh sách thành viên cổ đông sáng lập  
C. A, B đều đúng      D. A, B đều sai

Câu 176 : Thông thường công ty cổ phần được sở hữu bởi:

- A. Các nhà quản lý của chính công ty      B. Các cổ đông  
C. Hội đồng quản trị      D. Tất cả các câu trên đều đúng

Câu 177 : Loại doanh nghiệp nào được phát hành cổ phiếu:

- A. Công ty cổ phần      B. Doanh nghiệp nhà nước  
C. Doanh nghiệp tư nhân      D. Hợp tác xã

Câu 178 : Kế hoạch kinh doanh dùng để:

- A. Ra quyết định khởi nghiệp      B. Để đăng ký kinh doanh  
C. Để vay vốn sản xuất      D. Tất cả đều đúng

Câu 179 : Các loại thông tin cần thiết cho quá trình lập kế hoạch kinh doanh, NGOẠI TRỪ:

- A. Thông tin thị trường      B. Thông tin sản phẩm/dịch vụ  
C. Tổng quan ngành      D. Thông tin khách hàng

Câu 180 : Kế hoạch nhân sự bao gồm nội dung nào:

- A. Tuyển dụng      B. Trả lương  
C. Đào tạo, bồi dưỡng      D. Tất cả đều đúng

Câu 181 : Tại sao phải lựa chọn nhà cung cấp chiến lược:

- A. Sản xuất và cung cấp những sản phẩm dịch vụ chất lượng cao cho thị trường đều đặn      B. Tạo ra sản phẩm có khả năng cạnh tranh trên thị trường  
C. A, B đều đúng      D. A, B đều sai

Câu 182 : Trong các yếu tố sau đây, yếu tố nào là tác nhân môi trường có thể ảnh hưởng đến hành vi mua của người tiêu dùng?

- A. Kinh tế      B. Văn hoá

- C. Khuyến mại  
D. Tất cả đều đúng
- Câu 183 : Các yếu tố cạnh tranh ngoài giá:  
A. Số lượng nhân viên  
B. Bao bì, mẫu mã  
C. Niềm tin của người tiêu dùng đối với sản phẩm  
D. B, C đều đúng
- Câu 184 : Lựa chọn ý tưởng kinh doanh dựa vào:  
A. Năng khiếu của chủ doanh nghiệp  
B. Nhu cầu thị trường  
C. Khả năng tài chính của doanh nghiệp  
D. Tất cả đều đúng
- Câu 185 : Mô hình 7P trong lý thuyết Marketing không có yếu tố:  
A. Con người  
B. Kênh phân phối  
C. Giá cả  
D. Bao bì sản phẩm
- Câu 186 : Theo phân tích ma trận SWOT, khi doanh nghiệp có nhiều điểm yếu và thị trường có cơ hội kinh doanh thì doanh nghiệp sẽ sử dụng các chiến lược  
A. Tấn công thị trường  
B. Phòng thủ  
C. Rút lui khỏi thị trường  
D. Khai thác cơ hội thị trường
- Câu 187 : Các bước thực hiện tuyển dụng nhân sự:  
A. Mô tả công việc  
B. Phân tích khối lượng công việc  
C. A, B đều đúng  
D. A, B đều sai
- Câu 188 : Vốn pháp định là:  
A. Mức vốn tối thiểu cần phải có để thành lập doanh nghiệp  
B. Vốn góp của nhà nước vào doanh nghiệp  
C. Vốn do các thành viên góp theo quy định của pháp luật  
D. Cả 3 đều đúng
- Câu 189 : Phân tích đối thủ cạnh tranh là phân tích:  
A. Sản phẩm  
B. Chiến lược kinh doanh  
C. Website  
D. A, B, C đều đúng
- Câu 190 : Xác định vị trí địa lý của nhà xưởng dựa vào:  
A. Gần nguồn nguyên liệu  
B. Gần nguồn lao động giá rẻ  
C. Cơ sở hạ tầng  
D. A, B, C đều đúng
- Câu 191 : Công cụ chiêu thị Marketing gồm có:  
A. Quảng cáo, marketing trực tiếp, quan hệ công chúng (PR)  
B. Quảng cáo, quan hệ công chúng, bán hàng trực tiếp  
C. Quảng cáo, quan hệ công chúng, khuyến mãi  
D. Các câu trên đều đúng
- Câu 192 : Luật Doanh nghiệp là yếu tố thuộc môi trường:

- A. Môi trường vĩ mô  
 B. Môi trường vi mô  
 C. Môi trường ngành  
 D. Cả 3 đáp án trên
- Câu 193 : Loại hình nào phải đăng ký kinh doanh:  
 A. Doanh nghiệp nhà nước  
 B. Hợp tác xã  
 C. Công ty  
 D. Tất cả đúng
- Câu 194 : Tại sao chủ doanh nghiệp phải xem kế hoạch kinh doanh:  
 A. Rà soát, đánh giá các phương án dựa trên tính logic của kế hoạch kinh doanh  
 B. Có sự điều chỉnh chiến lược kinh doanh kịp thời khi thị trường biến đổi  
 C. A, B đều đúng  
 D. A, B đều sai
- Câu 195 : Mô hình 4C trong lý thuyết Marketing gồm:  
 A. Nhu cầu khách hàng; chi phí; sản phẩm; thông tin  
 B. Nhu cầu khách hàng; kênh phân phối; sản phẩm; thông tin  
 C. Nhu cầu khách hàng; chi phí; sự thuận lợi; thông tin  
 D. Tất cả đều đúng
- Câu 196 : Chi phí nào sau đây không phải là chi phí thành lập doanh nghiệp:  
 A. Chi phí tồn kho ban đầu  
 B. Chi phí thiết kế website  
 C. Chi phí thuê văn phòng, địa điểm kinh doanh  
 D. Chi phí marketing
- Câu 197 : Chu kỳ sống của công nghệ:  
 A. Ra đời, phát triển  
 B. Ra đời, phát triển, chín muồi, suy thoái  
 C. Ra đời, chín muồi, phát triển, suy thoái  
 D. Phát triển, chín muồi, suy thoái
- Câu 198 : Về mặt pháp lý, doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp:  
 A. Không được phép phát hành trái phiếu  
 B. Có khả năng kiểm soát doanh nghiệp tối đa  
 C. Được phép phát hành trái phiếu  
 D. Được phép phát hành cổ phiếu
- Câu 199 : Phân tích môi trường bên ngoài doanh nghiệp để:  
 A. Xác định điểm mạnh; điểm yếu của doanh nghiệp  
 B. Xác định cơ hội; thách thức từ môi trường bên ngoài của các đối thủ cạnh tranh  
 C. Xác định điểm mạnh; điểm yếu của đối thủ cạnh tranh  
 D. Xác định cơ hội; thách thức từ môi trường bên ngoài của doanh nghiệp
- Câu 200 : Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tư nhân:  
 A. Giám đốc  
 B. Chủ doanh nghiệp tư nhân  
 C. Chủ tịch hội đồng quản trị  
 D. A, B, C đều đúng

...../.....

